

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-226 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-226 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

|  |  |   |
|--|--|---|
| <b>(TYPE OR PRINT IN BLACK INK)</b><br><b>(ĐÁNH MÁY HOẶC VIẾT CHỮ IN HOA BẰNG MỰC ĐEN)</b> | In The General Court Of Justice<br>Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý<br><input type="checkbox"/> District <input type="checkbox"/> Superior Court Division<br>Phân Bộ Tòa Án <input type="checkbox"/> Khu Vực <input type="checkbox"/> Thượng Thẩm | File No.<br>Số Hồ Sơ                      |
| <b>STATE OF NORTH CAROLINA</b><br><b>TIỂU BANG NORTH CAROLINA</b>                          |  | Additional File Nos.<br>Các Số Hồ Sơ Khác |
| _____ County<br>Quận/hạt _____   |  |   |

|  |   |   |
|--|---|---|
| Name Of Applicant<br>Tên của người nộp đơn   | <b>AFFIDAVIT OF INDIGENCY</b><br><b>BẢN KHAI HỮU THỆ VỀ TÌNH TRẠNG NGHÈO KHÓ</b><br><br>G.S. 7A-450 et seq.<br>G.S. 7A-450 trở đi |   |
| Street Number And Street Name, Including Apartment Or Unit Number If Applicable<br>Số nhà và tên đường, bao gồm số phòng hay căn hộ nếu có                               |   |   |
| City, State And Zip Code<br>Thành phố, Tiểu bang và Mã zip   |   |   |
| Full Permanent Mailing Address Of Applicant (If Different Than Above)<br>Địa chỉ cố định để gửi thư đến người nộp đơn (nếu khác với địa chỉ trên)                        |   |   |
| Telephone Number Of Applicant<br>Số điện thoại của người nộp đơn   | Date Of Birth (mm/dd/yyyy)<br>Ngày sinh (tháng/ngày/năm)  | Offense(s)<br>(Các tội trạng)   |
| <input type="checkbox"/> Defendant <input type="checkbox"/> Parent/Guardian/Trustee <input type="checkbox"/> _____<br>Bị cáo Phụ huynh/Người giám hộ/ Người được ủy thác |   | See Table Of Charges on Side Two.<br>Xem Bảng Tội Trạng ở mặt hai.  |
|  |   | <b>Applicant: Do you have other pending criminal charge(s) in which a lawyer has been appointed?</b><br><b>Người nộp đơn: Quý vị còn có (các) vụ án hình sự nào khác đang trong quá trình xét xử mà đã được chỉ định luật sư không?</b> <input type="checkbox"/> Yes <input type="checkbox"/> No<br>CÓ KHÔNG<br>Name Of Lawyer<br>Tên của luật sư |
|  |   | Full Social Security No. Of Applicant<br>Số an sinh xã hội đầy đủ của người nộp đơn <input type="checkbox"/> Has No Social Security No.<br>Không có số an sinh xã hội   |

| <b>MONTHLY INCOME (money you make)</b><br><b>THU NHẬP HÀNG THÁNG (số tiền quý vị kiếm được)</b>   |    | <b>MONTHLY EXPENSES (money you pay out)</b><br><b>CHI PHÍ HÀNG THÁNG (số tiền quý vị chi tiêu)</b>                           |       |
|---|----|--|-------|
| Employment - Applicant<br>Công việc làm - Người nộp đơn   | \$ | Number Of Dependents<br>Số người phụ thuộc   | _____ |
| Name And Address Of Applicant's Employer<br>Tên và địa chỉ chủ lao động của người nộp đơn<br>(If not employed, state reason; if self-employed, state trade)<br>(nếu không có việc làm, hãy cho biết lý do; nếu làm việc tự do, cho biết quý vị làm nghề gì) |    | Shelter <input type="checkbox"/> Buying <input type="checkbox"/> Renting<br>Nơi ở Nhà mua Nhà thuê                           | \$    |
| Other Income (Welfare, Food Stamps, S/S, Pensions, etc.)<br>Các nguồn thu nhập khác (Trợ cấp xã hội, Phiếu thực phẩm, Tiền an sinh xã hội, Lương hưu, v.v.)   | \$ | Food (including Food Stamps)<br>Thực phẩm (kể cả tiền từ Phiếu thực phẩm)  | \$    |
| Employment - Spouse<br>Công việc làm - Vợ/chồng   | \$ | Utilities (power, water, heating, phone, cable, etc.)<br>Các tiện ích công cộng (điện, nước, sưởi ấm, điện thoại, cáp, v.v.) | \$    |
| Name And Address Of Spouse's Employer<br>Tên và địa chỉ chủ lao động của vợ/chồng   |    | Health Care<br>Chăm sóc sức khỏe   | \$    |
|   |    | Installation Payments<br>Các khoản trả góp<br><input type="checkbox"/> Vehicle <input type="checkbox"/> Other<br>Xe Nợ khác  | \$    |
|   |    | Car Expenses (gas, insurance, etc.)<br>Các chi phí xe cộ (xăng, bảo hiểm, v.v.)  | \$    |
|   |    | Support Payments<br>Tiền cấp dưỡng con/vợ/chồng  | \$    |
|   |    | Other: (specify)<br>Chi phí khác: (cho biết cụ thể)  | \$    |
| <b>Total Monthly Income</b><br><b>Tổng thu nhập hàng tháng</b>  | \$ | <b>Total Monthly Expenses</b><br><b>Tổng số chi phí hàng tháng</b>   | \$    |

(Over)  
(Xem mặt sau)

| DESCRIPTION OF ASSETS AND LIABILITIES<br>MIÊU TẢ TÀI SẢN VÀ NỢ   | ASSETS<br>(things you own)<br>TÀI SẢN<br>(những gì quý vị sở hữu) | LIABILITIES<br>(amounts you owe)<br>NỢ<br>(số tiền quý vị nợ người khác) |
|--|---|--|
| Cash On Hand And In Bank Accounts<br><i>(List Name Of Bank &amp; Account No.)</i><br>Số tiền mặt có sẵn và tiền trong trương mục ngân hàng<br><i>(Cho biết tên ngân hàng và số trương mục)</i> | \$  |  |
| Money Owed To Or Held For Applicant<br>Số tiền người khác nợ hay cầm hộ người nộp đơn  | \$  |  |
| Motor Vehicles <i>(List Make, Model, Year)</i><br>Xe cơ giới <i>(Cho biết hiệu, loại, đời xe)</i>  | <i>(Fair Market Value)</i><br><i>(Giá trị thị trường)</i><br>\$   | <i>(Balance Due)</i><br><i>(Số nợ phải trả)</i><br>\$                    |
| Real Estate<br>Bất động sản  | <i>(Fair Market Value)</i><br><i>(Giá trị thị trường)</i><br>\$   | <i>(Balance Due)</i><br><i>(Số nợ phải trả)</i><br>\$                    |
| Personal Property<br>Tài sản cá nhân   | <i>(Fair Market Value)</i><br><i>(Giá trị thị trường)</i><br>\$   | <i>(Balance Due)</i><br><i>(Số nợ phải trả)</i><br>\$                    |
| Other Debts<br>Các nợ khác   |   | \$   |
| Last Income Tax Filed 20 _____ <input type="checkbox"/> Refund <input type="checkbox"/> Owe<br>Lần khai thuế gần đây nhất là năm 20 _____<br><i>Được hoàn thuế Phải trả thuế</i>               | \$  | \$   |
| Other<br>Tài sản hay nợ khác   | \$  | \$   |
| <b>Total Assets And Liabilities</b><br><b>Tổng số tài sản và nợ</b>  | \$  | \$   |
| Bond Type<br><i>Loại hình cam kết để được</i><br><i>tại ngoại</i>  | Amount<br><i>Số tiền</i><br>\$                                    | By Whom Posted<br><i>Người đóng tiền thế chân</i>                        |

**NOTE:** Read the notice on the reverse side before completing this form.  
**LƯU Ý:** Hãy đọc thông báo ở mặt sau trước khi quý vị điền vào mẫu này.

### TABLE OF CHARGES BẢNG TỘI TRẠNG

The applicant has the following charge(s) pending for trial in this court:  
Người nộp đơn đang chờ xét xử (các) tội trạng dưới đây ở tòa án này:

| File No.(s)<br>(Các) số hồ sơ | Offense(s)<br>(Các) tội trạng |
|-------------------------------|-------------------------------|
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |
|                               |                               |

(Over)  
(Xem mặt sau)

**NOTICE TO PERSONS REQUESTING A COURT-APPOINTED LAWYER**  
**THÔNG BÁO CHO NHỮNG NGƯỜI YÊU CẦU TÒA ÁN CHỈ ĐỊNH LUẬT SƯ ĐẠI DIỆN**

1. When answering the questions on the Affidavit Of Indigency (reverse side of this form), please do not discuss your case with the interviewer. The interviewer can be called as a witness to testify about any statements made in his/her presence. Please wait and speak with your lawyer. Do not ask the interviewer for any advice or opinion concerning your case.
1. Khi trả lời các câu hỏi của mẫu Bản Khai Hữu Thệ Về Tình Trạng Nghèo Khó (ở mặt trước mẫu này), vui lòng đừng thảo luận với người phỏng vấn về vụ án của quý vị. Người phỏng vấn có thể bị kêu ra tòa làm chứng về bất cứ điều gì quý vị đã nói trước mặt họ. Hãy chờ để thảo luận với luật sư. Không nên yêu cầu người phỏng vấn cho biết lời khuyên hay quan điểm của họ về vụ án của quý vị.
2. **A COURT-APPOINTED LAWYER IS NOT FREE.** If you are convicted or plead guilty or no contest, you may be required to repay the cost of your lawyer as a part of your sentence. The Court may also enter a civil judgment against you, which will accrue interest at the legal rate set out in G.S. 24-1 from the date of the entry of judgment. Your North Carolina Tax Refund or NC Education Lottery winnings may be taken to pay for the cost of your court-appointed lawyer. In addition, if you are convicted or plead guilty or no contest, the Court must charge you an attorney appointment fee and may enter this fee as a civil judgment against you pursuant to G.S. 7A-455.1.
2. **LUẬT SƯ DO TÒA ÁN CHỈ ĐỊNH KHÔNG PHẢI LÀ LUẬT SƯ MIỄN PHÍ.** Nếu quý vị bị kết án, tự nhận tội hoặc không chối tội thì thẩm phán có thể ghi lệnh trong bản án buộc quý vị hoàn trả chi phí luật sư. Tòa Án cũng có thể ra lệnh dân sự bắt quý vị trả phí cộng lãi theo mức lãi suất pháp định trong G.S. 24-1 tính từ ngày ra lệnh. Tiền thuế mà tiểu bang North Carolina hoàn lại cho quý vị hoặc tiền trúng xổ số NC Education Lottery đều có thể bị thu giữ để trả chi phí luật sư do Tòa Án chỉ định cho quý vị. Thêm vào đó, nếu quý vị bị kết án, tự nhận tội hoặc không chối tội thì Tòa Án phải tính lệ phí xếp hẹn gặp luật sư cho quý vị, và có thể ra lệnh dân sự bắt quý vị trả phí này chiếu theo G.S. 7A-455,1.
3. The information you provide may be verified, and your signature below will serve as a release permitting the interviewer to contact your creditors, employers, family members, and others concerning your eligibility for a court-appointed lawyer. A false or dishonest answer concerning your financial status could lead to prosecution for perjury. See G.S. 7A-456(a) (“A false material statement made by a person under oath or affirmation in regard to the question of his indigency constitutes a Class I felony.”).
3. Các thông tin quý vị cung cấp có thể được kiểm tra lại và chữ ký của quý vị dưới đây được hiểu là sự cho phép người phỏng vấn liên lạc với các chủ nợ, chủ lao động, thành viên gia đình của quý vị và người khác để tìm hiểu xem quý vị có hội đủ điều kiện được Tòa Án chỉ định luật sư hay không. Nếu quý vị trả lời sai sự thật hay không trung thực về tình trạng tài chính của mình, quý vị có thể bị truy tố tội khai gian. Xin tham khảo điều G.S. 7A-456(a) (“Những người khai sai sự thật về một chi tiết quan trọng liên quan đến tình trạng nghèo khó sau khi đã tuyên thệ hay xác nhận nói đúng sự thật sẽ bị coi là phạm tội đại hình Bạc I.”).

(Over)  
(Xem mặt sau)

Under penalty of perjury, I declare that the information provided on this form is true and correct to the best of my knowledge, and that I am financially unable to employ a lawyer to represent me. I now request the Court to assign a lawyer to represent me in this case. I authorize the Court to contact my creditors, employers, or family members, any governmental agencies or any other entities listed below concerning my eligibility for a court-appointed lawyer.

Tôi xác nhận rằng thông tin khai trên mẫu này là đúng sự thật và chính xác với tất cả sự hiểu biết của tôi, rằng tôi không có khả năng tài chính để thuê luật sư đại diện cho mình, và nếu khai gian thì tôi xin chịu phạt theo luật pháp. Bây giờ tôi xin yêu cầu Tòa Án chỉ định luật sư đại diện cho tôi trong vụ án này. Tôi cho phép Tòa Án liên lạc các chủ nợ, chủ lao động hay thành viên gia đình của tôi cũng như bất cứ cơ quan chính phủ hay tổ chức nào khác được liệt kê dưới đây để tìm hiểu xem tôi có hội đủ điều kiện được Tòa Án chỉ định luật sư hay không.

I further authorize my creditors, employers, or family members, any governmental agencies or any other entities listed below to release financial information concerning my eligibility for a court-appointed lawyer upon request of the Court. Ngoài ra tôi cũng cho phép các chủ nợ, chủ lao động hay thành viên gia đình của tôi cũng như bất cứ cơ quan chính phủ hay tổ chức nào khác được liệt kê dưới đây tiết lộ thông tin tài chính theo yêu cầu của Tòa Án liên quan đến các điều kiện để được Tòa Án chỉ định luật sư.

Governmental Agencies Or Other Entities Authorized To Be Contacted And/Or To Release Information  
Các cơ quan chính phủ hay tổ chức khác mà tôi cho phép được liên lạc và/hoặc tiết lộ thông tin

|  |   |  |
|--|---|--|
| <b>SWORN/AFFIRMED AND SUBSCRIBED TO BEFORE ME<br/>TUYÊN THỆ/XÁC NHẬN VÀ KÝ TÊN TRƯỚC MẶT TÔI</b> |   | Date (mm/dd/yyyy)<br>Ngày (tháng/ngày/năm)   |
| Date (mm/dd/yyyy)<br>Ngày (tháng/ngày/năm)   | Signature<br>Chữ ký   | Signature Of Applicant<br>Chữ ký của người nộp đơn   |
| <input type="checkbox"/> Deputy CSC<br>Phó LSTTT   | <input type="checkbox"/> Clerk of Superior Court<br>Lục Sự Tòa Thượng Thẩm                            | Name Of Applicant (Type Or Print)<br>Tên của người nộp đơn (đánh máy hay viết chữ in)              |
| <input type="checkbox"/> Assistant CSC<br>Phụ tá LSTTT   | <input type="checkbox"/> Magistrate<br>Phụ Thẩm   |  |
| <input type="checkbox"/> Notary<br>Công Chứng Viên   | Date My Commission Expires (mm/dd/yyyy)<br>Thời hạn nhiệm vụ của tôi sẽ hết vào ngày (tháng/ngày/năm) | <input type="checkbox"/> Defendant<br>Bị cáo   |
| <b>SEAL<br/>ĐÓNG DẤU</b>   | County Where Notarized<br>Quận/hạt nơi đóng dấu công chứng  | <input type="checkbox"/> Parent/Guardian/Trustee<br>Phụ huynh/Người giám hộ<br>/Người được ủy thác |

**NOTE:** If you are less than 18 years old, or if you are at least 18 years old but remain dependent on and live with a parent or guardian, state name and address of parent, guardian or trustee below.

**LƯU Ý:** Nếu quý vị dưới 18 tuổi, hoặc đủ 18 tuổi nhưng vẫn còn phụ thuộc và sống chung với phụ huynh hay người giám hộ, hãy cho biết tên và địa chỉ của phụ huynh, người giám hộ hay người được ủy thác dưới đây.

|  |
|--|
| Name Of Parent/Guardian Or Trustee<br>Tên của Phụ huynh/Người giám hộ hay Người được ủy thác |
| Address<br>Địa chỉ   |
| City, State, Zip<br>Thành phố, Tiểu bang, Mã zip   |